

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI

Số: 271/Cty

" V/v giải trình lợi nhuận sau thuế trong BCTC quý 2 năm 2023 trước soát xét so với BCTC bán niên năm 2023 được soát xét có sự chênh lệch từ 5% trở lên "

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên cổ phiếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI
QNW

Mã cổ phiếu:

Địa chỉ:

17 Phan Chu Trinh - phường Nguyễn Nghiêm - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi

Mã số thuế:

4300326264

Người đại diện:

Ông NGUYỄN ĐĂNG ĐỖ

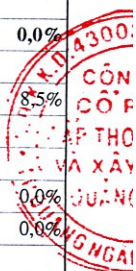
Chức vụ: Giám Đốc

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC có hiệu lực ngày 01/01/2021 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán quy định giải trình cụ thể khi lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi giải trình về việc lợi nhuận sau thuế trong BCTC quý 2 năm 2023 trước soát xét so với BCTC bán niên năm 2023 được soát xét có sự chênh lệch từ 5% trở lên cụ thể như sau :

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | CÔNG TY MẸ | | | | HỢP NHẤT | | | |
|--|-----------|--------------------------------------|--------------------------------|------------------------|---------------|--------------------------------------|--------------------------------|------------------------|---------------|
| | | BCTC bán niên năm 2023 được soát xét | BCTC quý 2/2023 trước soát xét | Tăng/giảm | Tỷ lệ(%) | BCTC bán niên năm 2023 được soát xét | BCTC quý 2/2023 trước soát xét | Tăng/giảm | Tỷ lệ(%) |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3-4 | 6=5/4 | 7 | 8 | 9=7-8 | 10=9/8 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 35.699.777.131 | 35.699.777.131 | 0 | | 35.910.961.676 | 35.910.961.676 | 0 | |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 0 | 0 | 0 | | 0 | 0 | 0 | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02) | 10 | 35.699.777.131 | 35.699.777.131 | 0 | 0,0% | 35.910.961.676 | 35.910.961.676 | 0 | 0,0% |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 25.788.309.639 | 23.760.889.680 | 2.027.419.959 | 8,5% | 25.923.958.914 | 23.896.538.955 | 2.027.419.959 | 8,5% |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp (20=10-11) | 20 | 9.911.467.492 | 11.938.887.451 | (2.027.419.959) | | 9.987.002.762 | 12.014.422.721 | (2.027.419.959) | |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 2.396.772.986 | 2.396.772.986 | 0 | 0,0% | 2.598.821.161 | 2.598.821.161 | 0 | 0,0% |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 533.758.541 | 533.758.541 | 0 | 0,0% | 303.160.223 | 303.160.223 | 0 | 0,0% |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | 303.160.223 | 303.160.223 | 0 | | 303.160.223 | 303.160.223 | 0 | |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 1.599.220.761 | 1.453.833.246 | 145.387.515 | 10,0% | 1.599.220.761 | 1.453.833.246 | 145.387.515 | 10,0% |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 3.575.981.168 | 3.159.014.173 | 416.966.995 | 13,2% | 3.851.424.246 | 3.434.457.251 | 416.966.995 | 12,1% |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26) | 30 | 6.599.280.008 | 9.189.054.477 | (2.589.774.469) | -28,2% | 6.832.018.693 | 9.421.793.162 | (2.589.774.469) | -27,5% |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | | | | | | | |
| 12. Chi phí khác | 32 | 6.148.227 | 6.148.227 | 0 | 0,0% | 40.058.847 | 40.058.847 | 0 | 0,0% |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | (6.148.227) | (6.148.227) | 0 | | (40.058.847) | (40.058.847) | 0 | |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | 6.593.131.781 | 9.182.906.250 | (2.589.774.469) | -28,2% | 6.791.959.846 | 9.381.734.315 | (2.589.774.469) | -27,6% |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 1.392.044.756 | 1.909.999.650 | (517.954.894) | -27,1% | 1.431.810.369 | 1.949.765.263 | (517.954.894) | -26,6% |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | | | | | | | |



| Chỉ tiêu | Mã số | CÔNG TY MẸ | | | | HỢP NHẤT | | | |
|--|-------|--------------------------------------|--------------------------------|-----------------|----------|--------------------------------------|--------------------------------|-----------------|----------|
| | | BCTC bán niên năm 2023 được soát xét | BCTC quý 2/2023 trước soát xét | Tăng/giảm | Tỷ lệ(%) | BCTC bán niên năm 2023 được soát xét | BCTC quý 2/2023 trước soát xét | Tăng/giảm | Tỷ lệ(%) |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3-4 | 6=5/4 | 7 | 8 | 9=7-8 | 10=9/8 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | 5.201.087.025 | 7.272.906.600 | (2.071.819.575) | -28,5% | 5.360.149.477 | 7.431.969.052 | (2.071.819.575) | -27,9% |
| (60=50-51-52) | | | | | | | | | |
| 18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | | | | | | 5.296.524.496 | 7.368.344.071 | (2.071.819.575) | -28,1% |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | | | | | | 63.624.981 | 63.624.981 | | |
| 20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | | | | | | 265 | 368 | | |
| 21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | | | | | | | | | |

BCTC CÔNG TY MẸ

- Lợi nhuận sau thuế trong 6 tháng đầu năm 2023 trong BCTC được soát xét giảm 28,5% với lý do : Doanh thu bán hàng không thay đổi nhưng giá vốn hàng bán tăng 8,5%, cụ thể là trích lập tiền lương theo doanh thu tăng, dự phòng hàng tồn kho, chi phí bảo hộ lao động trong 6 tháng đầu năm 2023.

- Chi phí bán hàng tăng 10%, cụ thể là trích lập tiền lương theo doanh thu tăng. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 13,2%, cụ thể là trích lập tiền lương theo doanh thu tăng; thù lao HĐQT-BKS; chi phí bảo hộ lao động trong 6 tháng đầu năm 2023.

Dẫn đến lợi nhuận sau thuế trong 6 tháng đầu năm 2023 trong BCTC được soát xét giảm 28,5% so với quý 2 năm 2023 trước soát xét.

BCTC HỢP NHẤT

- Lợi nhuận sau thuế trong 6 tháng đầu năm 2023 trong BCTC được soát xét giảm 27,9% với lý do : Doanh thu bán hàng không thay đổi nhưng giá vốn hàng bán tăng 8,5%, cụ thể là trích lập tiền lương theo doanh thu tăng, dự phòng hàng tồn kho, chi phí bảo hộ lao động trong 6 tháng đầu năm 2023.

- Chi phí bán hàng tăng 10%, cụ thể là trích lập tiền lương theo doanh thu tăng. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 12,1%, cụ thể là trích lập tiền lương theo doanh thu tăng; thù lao chi phí bảo hộ lao động trong 6 tháng đầu năm 2023.

Dẫn đến lợi nhuận sau thuế trong 6 tháng đầu năm 2023 trong BCTC được soát xét giảm 27,9% so với quý 2 năm 2023 trước soát xét.

Trần Trọng!

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu P.Kế toán, P.HC



Nguyễn Đăng Đơ